

SỰ PHÁT TRIỂN CỦA NỀN KINH TẾ HÀNG HÓA Ở NAM BỘ TRONG CÁC THẾ KỶ XVII-XVIII

Nguyễn Đình Cơ (*)

TÓM TẮT

Thế kỷ XVI-XVIII, trái ngược với sự bất ổn về chính trị, kinh tế Đàng Trong phát triển khởi sắc, đặc biệt là ngoại thương. Đây là lần đầu tiên, một vùng lãnh thổ của Đại Việt có mối quan hệ kinh tế rộng mở với bên ngoài, thuyền buôn của nhiều nước (cả phương Đông và Phương Tây) đã cập bến các hải cảng Đàng Trong trao đổi hàng hóa. Nhờ những chính sách tiến bộ của chính quyền chúa Nguyễn, hoạt động hải thương trên biển Đông ở Đàng Trong đã diễn ra vô cùng sôi động. “*Trong lịch sử Việt Nam, chưa bao giờ nền kinh tế đối ngoại lại có quan hệ rộng mở, đa dạng và hưng thịnh như vậy*”¹. Nam Bộ cũng không nằm ngoài sự phát triển chung đó. Kinh tế hàng hóa ở vùng đất mới Phương Nam nhanh chóng phát triển, trở thành một trong những trung tâm của kinh tế quan trọng của Đàng Trong.

Từ khóa: Kinh tế hàng hóa, Nam Bộ, thế kỷ XVII-XVIII

Điều kiện phát triển kinh tế hàng hóa ở Nam Bộ

Từ trước đến nay, khi nói đến thương mại Đàng Trong các nhà nghiên cứu thường có xu hướng mặc định nó diễn ra ở khu vực Trung Bộ (gần với thủ phủ Chính Dinh, Phú Xuân) với các hải cảng như Thanh Hà, Hội An, Nước Mặn... Vùng đất Nam Bộ được khai phá, xác lập chủ quyền sau nên ít được chú ý hơn. Tuy nhiên theo cá nhân tác giả thì hoạt động trao đổi hàng hóa của Nam bộ ở thế kỷ XVII-XVIII cũng phát triển không kém, thậm chí có thể diễn ra sôi động hơn ở vùng Thuận – Quảng vì những lý do sau:

Thứ nhất về điều kiện tự nhiên: nếu vùng Thuận – Quảng có ưu thế như giáo sĩ Borri đến đây vào năm 1621 đã nhận xét: “*Hải cảng thì thật lạ lùng, chỉ trong khoảng hơn 100 dặm một chút mà người ta đếm hơn sáu mươi hải cảng, tất cả đều rất thuận*”

¹ Nguyễn Văn Kim (chủ biên) (2011), *Người Việt với biển*, Nxb Thế giới, Hà Nội, trang 497.

(*) Trường CĐsp Trung ương thành phố Hồ Chí Minh. Email: nguyendinhco1985@gmail.com

tiện để cập bến và lên đất liền. Là vì ven bờ có những nhánh biển lớn”²; thì bờ biển của Nam Bộ cũng dài không kém. Trong *Gia Định thành thống chí*, Trịnh Hoài Đức cho biết điều kiện thuận lợi này như sau: “*Gia Định là đất Chân Lạp xưa, phía đông nam giáp với biển, có tất cả 17 hải cảng lớn, đó là: Xích Ram, Tác Ký, Cần Giờ, Đồng Tranh, Lôi Lạp (Soi Rạp), Cửa Đại, Cửa Tiểu, Ba Lai, Bông Côn (Cung), Ngao Châu, Cổ Chiên, Ba Thắc, Mỹ Thanh, Hào Bàn (Gành Hào), Long Xuyên, Kiên Giang và Hà Tiên, còn các cửa nhỏ thì nhiều gấp đôi.*”³. Thêm nữa một lợi thế của vùng Nam Bộ là hệ thống các sông nhỏ và kênh rạch chằng chịt thuận lợi cho việc đưa hàng hóa vào sâu trong nội địa trong bối cảnh đường bộ đi lại khó khăn.

Thứ hai về điều kiện kinh tế, Nam Bộ là trung tâm sản xuất nông nghiệp lớn nhất của Đàng Trong, cũng như nước ta ở thế kỷ XVII-XVIII. Khác với tình trạng sản xuất manh mún ở những khu vực khác, nông nghiệp hàng hóa đã phát triển từ rất sớm ở Nam Bộ. Dựa vào ghi chép của Lê Quý Đôn ở thế kỷ XVIII hay Trịnh Hoài Đức ở thế kỷ XIX, chúng ta có thể khẳng định rằng: lúa gạo, nông sản của Nam Bộ đã được chở đi tiêu thụ khắp xứ Đàng Trong, ra tận Đàng Ngoài và xuất khẩu đi các nước. Theo Trịnh Hoài Đức, thì: “*Gia Định đất tốt lại rộng, thổ sản có: lúa, gạo, cá, muối, cây gỗ, chim muông...*”⁴. Các ngành thủ công nghiệp ở vùng Trấn Biên, Phiên Trấn cũng tương đối phát triển ở cuối thế kỷ XVII - đầu thế kỷ XVIII với vai trò lớn của những người Hoa di cư mang theo kỹ nghệ đến đây. Có thể thấy về nguồn hàng trao đổi buôn bán, vùng đất phía Nam dồi dào không kém, thậm chí có phần vượt trội hơn so với các vùng đất khác của Đàng Trong.

Thứ ba về điều kiện xã hội, Nam Bộ là vùng đất mới khai phá ở thế kỷ XVIII-XVIII. Vùng đất mới, nơi tập hợp của những lưu dân phiêu lưu từ nhiều nơi cùng quần tụ. Tư duy khai phóng của những người đi mở cõi chắc chắn sẽ rất thích hợp cho sự phát triển của hoạt động trao đổi buôn bán.

² Cristophoro Bori (1621), Xứ Đàng Trong, Hồng Nhuệ - Nguyễn Khắc Xuyên và Nguyễn Nghị dịch, chú thích, Nxb TP Hồ Chí Minh, TP Hồ Chí Minh,

³ Trịnh Hoài Đức, Lý Việt Dũng dịch (2006), *Gia Định thành thống chí*, Nxb Đồng Nai, Biên Hòa, trang 10

⁴ Trịnh Hoài Đức, Lý Việt Dũng dịch (2006), *Gia Định thành thống chí*, Nxb Đồng Nai, Biên Hòa, trang 2.

Đó là chưa kể đến yếu tố nằm xa thủ phủ chúa Nguyễn nên sự kiểm soát vùng đất Nam Bộ của bộ máy chính quyền ở đây tương đối lỏng lẻo, thậm chí nhiều vùng đất nơi đây được trao quyền tự trị trong thời gian dài (điển hình như Hà Tiên). Đây chính là điều kiện rất thuận lợi cho hoạt động buôn bán của các thương nhân ngoại quốc diễn ra, đặc biệt là đối với thương nhân Phương Tây (thường gắn chặt quá trình buôn bán với truyền bá Ki Tô giáo).

Sự phát triển của nông nghiệp và thủ công nghiệp hàng hóa ở Nam Bộ thế kỷ XVII-XVIII

Thế kỷ XVII-XVIII, cùng sự khốc liệt ngày càng lên cao của cuộc chiến tranh Trịnh-Nguyễn, lưu dân người Việt từ vùng ngũ Quảng đến với Nam Bộ kiếm tìm một tương lai mới. Với phương châm “dân đi khai khẩn trước, nhà nước xác lập chủ quyền sau”, các chúa Nguyễn (bắt đầu từ chúa Nguyễn Phúc Nguyên) đã có những chính sách thúc đẩy mạnh mẽ quá trình Nam tiến.

Với nhiều ưu thế hơn Đàng Ngoài, cũng như những vùng đất khác của Đàng Trong, Nam Bộ nhanh chóng trở thành một trung tâm sản xuất nông nghiệp quan trọng nhất của chính quyền chúa Nguyễn. Mùa Xuân năm Mậu Dần (1698) chúa Nguyễn Phúc Chu “*Sai Thống suất Nguyễn Hữu Kính kinh lược đất Chân Lạp, chia đất Đông Phố, lấy xứ Đồng Nai làm huyện Phước Long (nay thăng làm phủ), dựng dinh Trấn Biên (tức Biên Hòa ngày nay), lấy xứ Sài Gòn làm huyện Tân Bình (nay thăng làm phủ), dựng dinh Phiên Trấn (tức Gia Định ngày nay)...*”⁵. Đây là cột mốc đầu tiên đánh dấu sự xác lập chủ quyền của Đàng Trong đối với vùng đất Nam Bộ sau một thời gian dài các thế hệ lưu dân người Việt đã tìm đến đây, khai phá, xây dựng làng xóm. Trong buổi đầu các chúa Nguyễn đã áp dụng chính sách rất khôn ngoan nhằm khuyến khích cư dân các địa phương đổ về đây và hăng hái khẩn hoang: “*Đất Nông Nại xưa vốn nhiều đầm ao rừng rú, buổi đầu mới lập ra 3 dinh, mộ dân đến lập nghiệp, phép tắc hãy còn khoan dung giản dị. Có khi đất ở hạt Phiên Trấn mà lập thuế ở hạt Trấn*

⁵ Quốc sử quán triều Nguyễn (2001), *Đại Nam thực lục*, Tập 1, Nxb giáo dục, Hà Nội, trang 111.

Biên, và ngược lại đất ở hạt Trấn Biên mà trưng thuế ở Phiên Trấn ấy là tùy theo lòng dân, không hề ràng buộc, cốt sao khiến dân khai hoang mở đất cho thành ruộng, lập nên thôn xã mà thôi. Nhiều nơi là đất bùn cỏ mà trưng làm ruộng đóng thuế, hoặc ruộng núi nơi đất gò đống mà trưng làm ruộng cỏ, chuyện đó có thường thôi. Đến như sào, mẫu, khoảnh (khoảnh), sớ, cũng chỉ dựa vào lời khai mà biên vào sổ bộ chứ không đặt thước xuống đo và phân biệt tốt xấu, còn thuế nhiều hay ít, đấu học to hay nhỏ cũng tùy vào lệ cũ từng nơi để phỏng theo mà làm [14b] không giống nhau. Đến lúc này mới châm chước để làm cho đúng, nhưng nếu so với các dinh trấn ở Bắc thì phép tắc ở Gia Định còn rất khoan dung mà thuế lệ cũng còn nhẹ.”⁶. Đất rộng, màu mỡ, cư dân thưa thớt, chính sách của chính quyền rộng rãi... Tất cả những thuận lợi đó đã tạo nên một lực hút mãnh liệt đối với cư dân từ vùng Trung Bộ của Đàng Trong đang bị khốn cùng vì chiến tranh, vì sự hà hiếp của chính quyền tìm đến với vùng đất phương Nam. Từ đầu thế kỷ XVIII, Đông Nam Bộ và đặc biệt sau đó là vùng đồng bằng Sông Cửu Long đã phát huy được lợi thế của mình trở thành trung tâm nông nghiệp lớn nhất của Đàng Trong (và cả Đại Việt quốc), trước hết Nam Bộ là vựa lúa lớn nhất. Trước khi lưu dân người Việt tới đây, vùng đất Gia Định Đồng Nai là một vùng đất rộng lớn, nhưng hoang vu, đầy thú dữ, như Lê Quý Đôn đã ghi lại rằng: “Ở phủ Gia Định, đất Đồng Nai, từ các biển Cần giờ, Soài Lạp, Cửa Đại, cửa Tiểu trở vào, toàn là rừng rậm hàng mấy nghìn dặm”⁷. Với bản tính cần cù, chịu khó và những kinh nghiệm sản xuất nông nghiệp đã tích lũy từ nhiều đời, người Việt đã vỡ đất hoang, cải biến thành những cánh đồng phì nhiêu cho năng suất cao không ở đâu sánh kịp: “Ruộng cày trâu thì ở Phiên An, Biên Hòa, gieo một học lúa giống, thu hoạch được 100 học lúa, duy ở trấn Vĩnh Thanh toàn là ruộng bầu không dùng trâu cày được, phải đợi lúc cuối hạ đầu thu, có nước mưa đầy dẫy, phát bỏ cây lũng (năn), cây lác, kéo cỏ be bờ, rồi trang đất cấy mạ. Đất đây đúng là rất phì nhiêu, cứ một học lúa giống ở đây thu hoạch được 300 học lúa. Ở trấn Định Tường, chỉ huyện Kiến Đăng có ruộng bầu ngập nước, bỏ công thu lợi cũng bằng ruộng ở Vĩnh Thanh, ngoài

⁶ Trịnh Hoài Đức, Lý Việt Dũng dịch (2006), *Gia Định thành thống chí*, Nxb Đồng Nai, Biên Hòa, trang 13

⁷ Lê Quý Đôn (2007), *Phủ biên tạp lục*, Nxb Văn hóa thông tin, Hà Nội, trang 442.

ra là ruộng cày trâu, nhưng lúa gặt cũng bội thu. Đứng thứ 2 là Phiên An, sau đó mới tới Biên Hòa.”⁸. Có thể chia chân ruộng miền Nam thành hai vùng: Ruộng miền Đông thì cày trâu, mà tốt nhất là ruộng Định Tường (Mỹ Tho), thứ nhì là ruộng Phiên An (Gia Định), thứ ba là ruộng Biên Hòa. Còn ruộng ở Miền Tây, thêm vùng Kiến Đăng (tức Cai Lậy) thì toàn là ruộng sâu đầy bùn phù sa, khỏi phải cày bừa, chỉ cần là sạch cỏ rồi cấy mạ xuống thế là xong. Lại thu hoạch gấp 3 lần ruộng ở miền Đông. Nhờ sự ưu ái của tự nhiên: “*phủ Gia Định, Đồng Nai đất tốt bậc nhất*”⁹, những lưu dân nơi đây đã rất nhẹ nhàng trong sản xuất, nhưng hiệu quả mang lại thì rất cao. Nhà nghiên cứu Nguyễn Đình Đầu đã phán đoán rất hợp lý về cách thức gieo trồng lúa của cư dân nơi đây: do đất đai chủ yếu là đất bùn phù sa nên những người nông dân đã có sáng kiến sạ lúa (thay vì gieo và cấy như trước đây). Họ hầu như không phải chăm bón nhiều, chỉ chờ đến ngày gặt hái, năng suất lúa lại rất cao. Thế mới có câu “*làm chơi ăn thật*”¹⁰. Ngay ruộng núi (ruộng ở cao) đầu khai khẩn thì phải đốn chặt cây cỏ, để khô đốt làm phân tro đợi khi mưa thì trồng lúa, không cần cày bừa, đem sức ra ít mà lợi thì nhiều. Vậy nên ở vùng Đồng Nai Gia Định, diện tích sản xuất ngày càng được mở rộng, được mùa thường xuyên: “*Người Gia Định mỗi ngày ăn cơm 3 bữa, cháo còn ít ăn hưởng chỉ là các thứ khác, vì lúa gạo quá nhiều, mà không năm nào bị mất mùa*”¹¹. Sau thóc gạo, cau là mặt hàng nông sản được trồng nhiều và các thương nhân ưu thích, tìm kiếm ở thị trường Gia Định. Theo Lê Quý Đôn: “*Gia Định rất nhiều cau. Ngạn ngữ nói: “Gia Định nhất thóc nhì cau”, người dân địa phương thường bỏ không thu, cau già lấy hạt bán cho người Tàu*”¹². Ngoài cau, dựa vào *Gia Định Thành thông chí*

⁸ Trịnh Hoài Đức, Lý Việt Dũng dịch (2006), *Gia Định thành thống chí*, Nxb Đồng Nai, Biên Hòa, trang 4

⁹ Lê Quý Đôn (2007), *Phủ biên tạp lục*, Nxb Văn hóa thông tin, Hà Nội, trang 179.

¹⁰ Nguyễn Đình Đầu (1992), *Chế độ công điền công thổ trong lịch sử khẩn hoang lập ấp ở Nam kỳ lục tỉnh*, Nxb Hà Nội, Hà Nội, trang 74.

¹¹ Trịnh Hoài Đức, Lý Việt Dũng dịch (2006), *Gia Định thành thống chí*, Nxb Đồng Nai, Biên Hòa, quyển 5, trang 4

¹² Lê Quý Đôn (2007), *Phủ biên tạp lục*, Nxb Văn hóa thông tin, Hà Nội, trang 443.

có thể thấy vùng đất Nam Bộ thời kỳ này còn có rất nhiều loại nông sản khác, như: bắp, đậu, mè, khoai...¹³.

Sự phát triển của sản xuất nông nghiệp theo hướng hàng hóa cũng thúc đẩy sự chuyên môn hóa trong ngành thủ công nghiệp của Nam Bộ. Một số người thợ thủ công giỏi đã tách ra khỏi nông nghiệp, chuyên sản xuất các mặt hàng thủ công. Các làng nghề thủ công truyền thống hình thành. Đặc biệt là cuối thế kỷ XVII khi làn sóng người Hoa di cư ồ ạt xuống phía Nam, các ngành thủ công nghiệp càng có điều kiện phát triển, với những kỹ thuật mới. Đầu tiên phải kể đến là ngành đóng ghe thuyền. Với điều kiện thuận lợi là sự dồi dào của nguồn tài nguyên gỗ nơi đây ngành đóng ghe thuyền đã sớm phát triển. Trong buổi đầu khai phá việc đi lại đường bộ còn gặp nhiều khó khăn cách trở thì việc đi lại bằng ghe thuyền trên hệ thống kênh rạch nơi đây đóng vai trò quan trọng. Theo Lê Văn Năm: ở Nhà Bè ở thế kỷ XVIII có một trung tâm đóng và sửa chữa tàu thuyền lớn, nhưng sau đó do khói lửa của các cuộc chiến tranh, nhất là khi quân Tây Sơn tấn công vào Nam Bộ thập niên 70 của thế kỷ XVIII, khiến cho nó bị suy tàn và không thể phục hồi lại được¹⁴. Sách *Gia Định thành thông chí* cho biết: ở Cái Bè thuộc trấn Định Tường cư dân đã đóng được rất nhiều tàu bè lớn chở hàng sang tận Cao Miên (Camphuchia)¹⁵. Lê Quý Đôn thì ghi nhận ở giữa thế kỷ XVIII, những người thợ thủ công vùng Gia Định đã có thể sản xuất được hàng trăm chiếc thuyền lớn bán cho các thương nhân khu vực Trung bộ mỗi chiếc có giá tới hàng nghìn quan tiền¹⁶.

Ngành dệt là một ngành thủ công nghiệp phát triển ở nhiều nơi. Khu vực dọc sông Tiền từ Rạch Gầm đến sông Mỹ Đức dệt vải là một trong hai nghề chính của nhân dân địa phương¹⁷. Theo *Gia Định Thành Thông chí* thì hai thôn Tân Hiệp và Tân Đức (Định

¹³ Trịnh Hoài Đức, Lý Việt Dũng dịch (2006), *Gia Định thành thông chí*, quyển 5, Nxb Đồng Nai, Biên Hòa, trang 2-3.

¹⁴ Lê Văn Năm: “Sản xuất hàng hóa và thương nghiệp ở Nam Bộ, thế kỷ XVII-XVIII”, Tạp chí nghiên cứu lịch sử số 3-4, 1988.

¹⁵ Trịnh Hoài Đức, Lý Việt Dũng dịch (2006), *Gia Định thành thông chí*, quyển 5, Nxb Đồng Nai, Biên Hòa, trang 62.

¹⁶ Lê Quý Đôn (2007), sđd, trang 105.

¹⁷ Lê Văn Năm: “Sản xuất hàng hóa và thương nghiệp ở Nam Bộ, thế kỷ XVII-XVIII”, Tạp chí nghiên cứu lịch sử số 3-4, 1988

Tường) là nơi sản xuất sô, sa, lành. Lụa ở đây được sản xuất với kỹ thuật tương đối tinh xảo, dệt được nhiều loại hình trang trí khác nhau, so với lụa Trung Quốc chỉ thua kém chút đỉnh. Còn ở Phước An (Biên Hòa) còn đặc biệt hơn khi sản xuất được loại lãnh đen mềm bóng được mệnh danh tốt nhất cả nước¹⁸.

Đường mía cũng được sản xuất ở nhiều nơi của Nam Bộ. Cũng theo Lê Văn Năm thì vùng Phước Chánh (Biên Hòa) trồng nhiều mía và là một trung tâm sản xuất đường của Đàng Trong và cả nước. Đặc biệt loại đường cát trắng mịn chỉ nơi đây mới sản xuất được, số lượng sản xuất cụ thể hàng năm không thể thống kê được, nhưng số lượng bán cho các thuyền buôn hàng năm là hơn 630.000 cân¹⁹.

Những cứ liệu ít ỏi về các ngành thủ công nghiệp ở Nam Bộ trong thế kỷ XVII-XVIII không cho phép chúng ta phục dựng lại một cách chân thực về tình hình sản xuất thời kỳ này. Nhưng với việc năm 1791, Nguyễn Ánh cho tuyển chọn trong 62 ty cục bách tác ở Gia Định để tìm những thợ giỏi cho nhà nước thì chúng ta sẽ thấy được sự phát triển của thủ công nghiệp ở Gia Định giai đoạn này²⁰.

Trao đổi hàng hóa ở khu vực Nam Bộ ở thế kỷ XVII-XVIII

Với điều kiện thuận lợi là hệ thống kênh rạch dày đặc và sự phát triển của nông nghiệp hàng hóa từ sớm, thế kỷ XVII – XVIII, Nam Bộ trở thành trung tâm buôn bán tập nập. Khách buôn từ các khu vực khác đến đây thu mua các loại nông sản, đặc biệt là lúa gạo, đến bán ở các vùng khác. Vì vùng Gia Định diện tích sản xuất lớn, đất màu mỡ thường xuyên được mùa nên giá cả ở đây rẻ hơn rất nhiều so với các vùng khác “*Giá thóc rẻ, chưa nơi nào được như thế*”²¹. Có thể thấy điều này, khi đến mãi cuối thế kỷ XVIII

¹⁸ Lê Văn Năm: “Sản xuất hàng hóa và thương nghiệp ở Nam Bộ, thế kỷ XVII-XVIII”, sđd.

¹⁹ Lê Văn Năm: “Sản xuất hàng hóa và thương nghiệp ở Nam Bộ, thế kỷ XVII-XVIII”, sđd.

²⁰ Xem Quốc sử quán triều Nguyễn (2001), *Đại Nam thực lục*, Tập 1, Nxb giáo dục, Hà Nội, trang 281.

²¹ Trịnh Hoài Đức, Lý Việt Dũng dịch (2006), sđd, trang 160.

(khoảng năm 1770), dật sĩ Ngô Thế Lân trong bài *Luận về tiền tệ* có cung cấp số liệu về giá thóc so sánh giữa các vùng ²²:

STT	Địa phương	Giá cả (tiền/hộc)
1	Gia Định	5
2	Bình Thuận Diên Khánh	6
3	Phú Yên Quy Nhơn	7
4	Quảng Ngãi Thăng Hoa Điện Bàn	8
5	Thuận Hóa Quảng Bình Bố Chính	10

Có thể thấy khu vực càng gần với Đàng Ngoài giá lúa càng cao. Điều này là do những vùng đất này đa số đất hẹp, kém màu mỡ hơn rất nhiều so với vùng Gia Định Đàng Nai mới khai phá. Đặc biệt là khu vực xung quanh Chính Dinh thường xuyên thiếu lương thực, Gia Định chính là nguồn cung cấp chủ yếu đảm bảo cho an ninh lương thực của thủ phủ Đàng Trong. Thương nhân từ vùng Thuận – Quảng tìm đến Nam Bộ mua lúa gạo đem về Phú Xuân bằng đường biển bán lại với giá cao thu lời. Lê Quý Đôn dù chưa đặt chân tới Gia Định nhưng qua lời kể của một người thương nhân nhiều lần đến mua hàng tại đây, ông đã miêu tả khá chính xác hành trình, phương thức mua bán trao đổi ở đây: “*Người thôn Chính Hòa châu Nam Bố Chính tên là Trùm Châu nói rằng trước Y đi buôn bán ở phủ Gia Định hơn 10 chuyến, thường đi vào tháng 9 tháng 10, về vào tháng*

²² Trần Văn Giàu, Trần Bạch Đằng, Nguyễn Công Bình (1987) *Địa chí văn hóa thành phố Hồ Chí Minh*, Nxb Tp Hồ Chí Minh, TP Hồ Chí Minh, trang 160.

4, tháng 5, thuận gió không quá 10 ngày đêm là đến. Mỗi chuyến đi thường qua biển Nhật Lệ, trình Trấn quan, vào cửa Eo, trình quan Tào vận, lĩnh giấy phép ra biển, đến xứ Vũng Tàu ở đầu côi Gia Định, là chỗ hải đảo có dân cư, hạ buồm đậu vào, hỏi thăm nơi nào được mùa, mất mùa, biết nơi nào được mùa mới đến ở. Trên thì có cửa biển Cần Giờ, ở giữa thì vào cửa biển Soài Rạp, dưới thì vào cửa Đại cửa Tiểu. Đến chỗ nào cũng là thuyền buôn tụ họp, mặc cả thành giá thì người bán hàng tự sai người nhà khuan hàng xuống thuyền. Một tiền quý thì mua được 16 đấu thóc, mỗi đấu bằng 3 bát bằng miệng của Hộ phiên, thành 30 bát quan đồng”²³. Tiến sỹ Nguyễn Phúc Nghiệp đã chính xác khi cho rằng: nhờ vừa lúa ở Nam Bộ mà “Xứ Đàng Trong có đủ lương thực cho nhân dân, mặc dù xứ Thuận Hóa và Quảng Nam có sự gia tăng dân số liên tục; đặc biệt là đầu thế kỷ XVIII khỏi phải nhập thóc gạo từ Xiêm và Cao Miên”²⁴. Hay thương nhân người Pháp P.Poivre trong nhật ký ngày 27.2.1749, cũng có chung nhận định: “Hiện nay Đồng Nai là một vựa lúa của cả xứ Đàng Trong. Vùng này đã cung cấp cho toàn xứ một khối lượng lớn về thóc.”²⁵. Không chỉ cung cấp cho thị trường trong nước lúa gạo của vùng Gia Định còn là một mặt hàng xuất khẩu chủ lực của Đàng Trong ra bên ngoài. Tuy nhiên thị trường xuất khẩu lúa gạo ở Nam Bộ đa số nằm trong tay các thương nhân người Hoa. Lê Quý Đôn ghi chép như sau: “Tại Phủ Gia Định lúa thóc không biết bao nhiêu mà kể, những khách buôn người Tàu thường tới những nơi ấy mua bán, thường tâm đắc khen ngợi”²⁶. Không chỉ lúa gạo, cau cũng là mặt hàng được các thương nhân người Hoa thu mua và xuất khẩu: một phần thì “mang về Quảng Đông cho người ta ăn thay thứ trà phù, một phần thì được các thương nhân phương Tây mua đem sang thị trường Châu Âu, bởi vì hạt cau có hàm lượng tananh cao là nguyên liệu cần thiết cho ngành nhuộm và thuộc da đang rất phát triển ở Châu Âu cuối thế kỷ XVIII²⁷.

²³ Lê Quý Đôn (2007), sđd, trang 160

²⁴ Nguyễn Phúc Nghiệp, Trần Thị Thanh Huệ: “Nông sản hàng hóa ở Nam Bộ thế kỷ XVII-XVIII”, Tạp chí nghiên cứu lịch sử, Số 9/2010

²⁵ Dẫn theo Huỳnh Lứa (1987), *Lịch sử khai phá vùng đất Nam Bộ*, Nxb Tp Hồ Chí Minh, TP Hồ Chí Minh, trang 80.

²⁶ Lê Quý Đôn (2007), sđd, trang 442.

²⁷ Thạch Phương, Đoàn Tú (chủ biên) (2001), *Địa chí Bến Tre*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, trang 343.

Sự phát triển của giao lưu buôn bán hàng hóa dẫn tới sự hình thành của nhiều khu chợ hoạt động tập nập ở Nam Bộ.

Khu Chợ Sài Gòn (tức Chợ Lớn sau này), “*Cách phía nam Trấn (Gia Định) 12 dặm, đường hai bên tả hữu quan lộ, ấy là đường phố lớn thẳng suốt 3 đường giáp đến bến sông, bề ngang một con đường giữa và một con đường dọc theo sông. Các con đường ấy xuyên giáp nhau như hình chữ điền, phố xá liên tiếp sát mái nhau, người Tàu và người ta ở chung lộn, dài 3 dặm. Hàng hóa trong các phố này bán có: gấm đoạn, đồ sứ, giấy bút, châu báu, sách vở, thuốc thang trà bột... Những hóa vật ở miền bắc chở đến không thiếu món nào. Đầu phía bắc đường phố lớn có miếu Quan Thánh và ba hội quán Phước Kiến, Quảng Đông, Triều Châu, chia đứng hai bên tả hữu, phía tây đường lớn có miếu Thiên Hậu, gần phía Tây có hội quán Ôn Lăng, đầu phía Nam đường phố lớn về phía Tây có Chương Châu hội quán. Gặp ngày tết đêm trăng, tam nguyên, sóc vọng, treo đèn, đặt án tranh đua kỹ xảo như là cây lửa, cây sao thành gấm vóc, như hội quỳnh dao, kèn trống huyên náo, nam nữ dập dìu, ấy là một đô thị lớn đô hội và náo nhiệt... Phía Đông đường lớn giữa phố có chợ Bình An đủ sản vật quý báu ở núi biển và thổ sản cá nơi, ban đêm còn thấp đèn mua bán”*²⁸.

Chợ Mỹ Tho: “*Khoảng năm Kỷ Ty (1679) chúa Nguyễn cho viên quan xá sai tên là Văn Trinh đưa nhóm Dương Ngạn Địch cả binh biên và ghe thuyền đến đóng dinh trại ở Mỹ Tho, rồi dựng nhà cửa, tụ tập người Kinh, người Thượng kết thành chòm xóm...Phía nam trụ sở là chợ phố lớn Mỹ Tho, nhà ngói cột chạm, đình cao chùa rộng, ghe thuyền ở các ngã sông biển đến đậu đông đúc, làm thành một đại đô hội rất pần hoa huyên náo.”*²⁹

Chợ phố Hà Tiên “*Ở phía đông ngó xuống bến hồ, nơi bến có làm trại cá, phía bắc công khố có miếu hội đồng, phía bắc miếu có xưởng sửa thuyền chia khu ngang dọc có lấy đường lớn là giới hạn, phía tả miếu Quan Thánh là phố Điều Kiêu, đầu bến có gác cầu ván thông ra biển giáp đảo Đại Kim, phía Đông phố Điều Kiêu là phố Chợ Cũ, phía*

²⁸ Trịnh Hoài Đức, Lý Việt Dũng dịch (2006), sđd, trang 98-99

²⁹ Trịnh Hoài Đức, Lý Việt Dũng dịch (2006), sđd, trang 119

*Đông phố Chợ Cũ là phố chợ Tô Sư, những di tích ấy đều là do Mạc Cửu kinh dinh thuở trước, đường lối tiếp giáp, phố xá liên lạc, gười Việt, người Tàu, người Cao Miên, người Bò Đà đều theo chủng loại cư trú, ghe thuyền ở sông biển qua lại nơi đây không dứt, thật là một nơi đô hội ở nơi góc biển vịnh”*³⁰

Ngoài ra vùng Nam Bộ còn nhiều khu phố chợ buôn bán tập nập đô hội khác nữa. Ở Hà Tiên có chợ Mỹ Đức (huyện Hà Châu), “*phố xá liên tiếp, người Kinh người Trung Quốc tụ họp*”; Chợ Sái Phú (ở huyện Kiên Giang tục gọi là chợ Rạch Giá) “*quán xá liên tiếp, thuyền buôn tập nập*”; Chợ Sân Chim (ở huyện Kiên Giang) “*có một sở sân chim, chim biển tập họp hàng ngàn hàng vạn, hàng năm đến kỳ chim đẻ các nghiệp hội lĩnh trung gọi là “thuế sân chim”, họ lấy cánh và lông chim bán cho lái buôn Trung Quốc*”³¹... Ở Gia Định có chợ Điều Khiển, được thành lập dưới thời chúa Nguyễn Phúc Chú (1725-1738) “*cách huyện Bình Dương hai dặm về phía Nam, phố xá trù mật, nguyên ở trước li sở ti Điều Khiển nên gọi như thế*”; Chợ Tân Cảnh “*cách huyện lỵ Bình Dương 6 dặm về phía Nam phố xá trù mật*”³²... Ở An Giang có chợ Hòa Mỹ “*tục gọi là chợ Bãi Xao ở huyện Phong Nhiêu và phía sau li sở phủ Ba Xuyên, quán xá liên tiếp, người Kinh người Thổ ở lẫn với nhau làm nghề nấu muối để bán*”³³; Chợ Vĩnh Phúc ở Vĩnh Long (tục gọi là chợ Sa Đét) “*Ở phía đông li sở huyện Vĩnh An, chợ và phố ở ven sông liên tiếp dài với nhau đến 5 dặm, dưới sông là trúc gác lên, cửa nhà là liệt thành hàng, hoặc mua bán tơ đoạn và đồ dùng, hoặc mua bán dầu trám, dầu rái, than gỗ mây tre muối mắm, trên bờ và giữa sông hàng hóa san sát thật là một nơi phồn hoa*”³⁴; Ở Vĩnh Long có chợ Long Hồ: “*chợ mở năm Nhâm Tý, Túc Tông thứ 8 (1732), hai mặt trông ra sông phố xá liên tiếp chạy dài chừng 5 dặm, dưới bến có thuyền bè, trên cạn có đình sở, đàn hát náo nhiệt thật là phố chợ lớn*”; chợ Thiện Mỹ “*hợp ở phía Đông sông Trà Ôn, hàng quán trù mật, là chỗ tụ họp của người Kinh, người Trung Quốc và người Cao Miên*”³⁵...

³⁰ Trịnh Hoài Đức, Lý Việt Dũng dịch (2006), sđd, trang 129

³¹ Xem Quốc sử quán triều Nguyễn (2006), *Đại Nam nhất thống chí*, Tập 5, Nxb Thuận Hóa, Huế, trang 31-32.

³² Quốc sử quán triều Nguyễn (2006), *Đại Nam nhất thống chí*, sđd, trang 265

³³ Quốc sử quán triều Nguyễn (2006), *Đại Nam nhất thống chí*, sđd, trang 234.

³⁴ Quốc sử quán triều Nguyễn (2006), *Đại Nam nhất thống chí*, sđd, trang 223

³⁵ Quốc sử quán triều Nguyễn (2006), *Đại Nam nhất thống chí*, sđd, trang 168-170

Có thể thấy sự phát triển của thương mại của Nam Bộ ở thế kỷ XVI-XVIII với sự ra đời của nhiều khu chợ buôn bán tấp nập, dân cư sầm uất, trao đổi nhiều loại mặt hàng nông thổ sản địa phương. Nhà nghiên cứu Nguyễn Đình Đầu là làm một phép thống kê các mặt hàng phong phú mà vùng Đồng Nai Gia Định cung cấp như sau: “*Gia Định sản xuất “thóc nhứt câu nhì, dân địa phương không hái cau, để cho trái cau tự già ở trên cây, sau đó chỉ lượm nhứt hạt cau đem đi bán cho các khách buôn người Tàu”*. Đường phèn, đường phôi, đường cát (huyện Phước Chánh, trấn Biên Hòa) mỗi năm bán cho thuyền buôn nước ngoài trên 600.000 cân, không kể mật và đường đen dùng trong xứ. Sắt thép để làm mọi dụng cụ, được khai thác ở huyện Long Thành, trấn Biên Hòa. Đá ong Biên Hòa trong nhiều mỏ “*Người thợ đào ra nhân khi đất còn ướt mềm, tùy theo sự cần dùng thước tác rộng dày thế nào, thì chặt ra thành khối, để dãi ra giữa gió và mặt trời, thì đất ấy cứng rắn, búa đẽo cũng không vô, dùng xây cất sân hè, cừ xông, phần mộ”*. Muối trắng sản xuất ở huyện Phước An (Long Đất ngày nay), Biên Hòa; muối màu hơi hồng vì nước hơi đỏ và vàng sản xuất ở Ba Thắc (gần Bạc Liêu ngày nay), trấn Vĩnh Thanh, đem bán nhiều nhất sang Cao Miên. Lãnh, là, vải lụa nơi nào cũng có làm, song ở huyện Phước An (Bà Rịa), Biên Hòa là “*lãnh đen mềm láng, tốt đẹp nhất trong nước”*. Hạt tiêu, hạt sen, ngà voi, sừng tê, đậu khấu, sa nhân, gạc nai, tô mộc, sáp ong, tổ yến, hải sâm, đồi mồi, huyền phách, vây cá, bóng cá, thịt voi, gân na, da tê, da ngựa núi, da rái cá, da ai, da trâu, da rắn, lông chim trả, cánh ngỗng biển, quạt lông, diêm tiêu... cùng nhiều loại cây cỏ hoặc trồng, hoặc thu nhứt trong rừng, các loại tôm cá, cau, sò và hải sản khác, các loại cây trồng làm thuốc, làm gia vị không kể hết được³⁶.

Đôi dòng tạm kết

Nam bộ là một vùng đất giàu có với nguồn hàng phong phú, dồi dào cũng cấp cho thương nhân trong nước cũng như quốc tế. Trong *Phủ Biên tạp lục* Lê Quý Đôn nhấn mạnh đến sự trù mật của vùng đất Quảng Nam (nơi có đô thị Hội An lớn nhất Đàng Trong) là vùng đất giàu có nhất trong xứ: thuyền buôn đến đây hàng hóa gì cũng có, chở

³⁶ Nguyễn Đình Đầu (1992), *Chế độ công điền công thổ trong lịch sử khẩn hoang lập ấp ở Nam kỳ lục tỉnh*, Nxb Hà Nội, Hà Nội, trang 94.

hàng trăm tàu không hết³⁷. Tuy nhiên có thể thấy vùng đất Đồng Nai, Gia Định tiềm năng cũng không kém, thậm chí nơi đây còn dồi dào và phong phú hơn về nguồn hàng, đặc biệt là nông sản. Là vùng đất mới khai phá lại được thiên nhiên tương đối ưu đãi, thế kỷ XVIII, Nam Bộ đã nhanh chóng trở thành trung tâm sản xuất nông nghiệp lớn nhất của cả nước, cung cấp nguồn lương thực thực phẩm cho cả xứ Đàng Trong và xuất khẩu.

³⁷ Nguyễn Đình Đầu (1992), sđd, trang 432.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Charles Maybon, Nguyễn Thừa Hỷ (dịch) (2006), *Những người Châu Âu ở nước An Nam*, Nxb Thế giới, Hà Nội.
2. Vũ Thế Dinh (2005), *Mạc Thị gia phả*, Nguyễn Khắc Thuần dịch, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
3. Nguyễn Đình Đầu (1992), *Chế độ công điền công thổ trong lịch sử khẩn hoang lập ấp ở Nam kỳ lục tỉnh*, Nxb Hà Nội, Hà Nội.
4. Lê Quý Đôn (2007), *Phủ biên tạp lục*, Nxb Văn hóa thông tin, Hà Nội.
5. Trịnh Hoài Đức, Lý Việt Dũng dịch (2006), *Gia Định thành thống chí*, Nxb Đồng Nai, Biên Hòa
6. Emile Gaspardone (1952), *Un Chinois des Mers du Sud le Fondateur de Ha Tien* (Người Trung Hoa ở biên Nam, người sáng lập Hà Tiên), Tạp chí journal Asiatique. Bản dịch, Trương Minh Đạt hiệu đính.
7. Trần Văn Giàu, Trần Bạch Đằng, Nguyễn Công Bình (1987) *Địa chí văn hóa thành phố Hồ Chí Minh*, Nxb Tp Hồ Chí Minh, TP Hồ Chí Minh.
8. Nguyễn Phúc Nghiệp, Trần Thị Thanh Huệ: “Nông sản hàng hóa ở Nam Bộ thế kỷ XVII-XVIII”, Tạp chí nghiên cứu lịch sử, Số 9/2010
9. Sơn Nam (1973), *Lịch sử khẩn hoang miền Nam*, Nxb Sài Gòn, Sài Gòn
10. Lê Văn Năm: “Sản xuất hàng hóa và thương nghiệp ở Nam Bộ, thế kỷ XVII-XVIII”, Tạp chí nghiên cứu lịch sử số 3-4, 1988
11. Quốc sử quán triều Nguyễn (2006), *Đại Nam nhất thống chí*, Tập 5, Nxb Thuận Hóa, Huế.
12. Quốc sử quán triều Nguyễn (2001), *Đại Nam thực lục*, Tập 1, Nxb giáo dục, Hà Nội.